| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **06**/2018/DS-ST
Ngày: 25-5- 2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mùi.

Bà Nguyễn Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-DS ngày 30/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2018/QĐST-DS ngày 27/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huang Yang-H, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: 28/1, đường A, thị trấn P, huyện N, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1985. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2013).

Địa chỉ: 278/32 đường T, phường 15, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Ông Ừng Thín S, sinh năm: 1979.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 13/12/2008, ông Huang Yang-H và ông Ừng Thín S ký kết hợp đồng vay tiền. Theo đó, ông S vay của ông Huang Yang-H số tiền 1.000.000.000đ để làm ăn, thời hạn vay: 05 năm. Các bên có thỏa thuận trong thời gian vay, ông Huang Yang-H có quyền yêu cầu ông S phải trả cho ông Huang Yang-H khoản tiền vay trên vào bất kỳ lúc nào ông Huang Yang-H có yêu cầu, nhưng phải báo trước 60 ngày. Vì cần tiền để giải quyết công việc nên ngày 29/4/2013, ông Huang Yang-H có làm thông báo trả tiền vay đến ông Ừng Thín S là trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Huang Yang-H toàn bộ số tiền 1.000.000.000đ. Nếu như đến hạn mà ông S không trả số tiền trên thì ông Huang Yang-H sẽ khởi kiện yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và ông S phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho ông  Huang Yang-H. Tuy nhiên, ông S vẫn cố tình phớt lờ mọi thông báo của ông Huang Yang-H cũng như không có bất kỳ động thái nào để trả tiền cho ông Huang Yang-H

Do ông Ừng Thín S đã vi phạm thỏa thuận nên ông Huang Yang-H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T cùng liên đới trách nhiệm phải trả ngay cho ông Huang Yang-H toàn bộ số tiền vay là 1.000.000.000đ, đồng thời phải trả lãi số tiền chậm trả từ ngày 02/7/2013 tạm tính đến ngày 02/4/2016 với mức lãi suất 1,13%/tháng. Tổng cộng, ông S, bà T phải trả cho ông Huang Yang-H số tiền 1.372.900.000đ.

***Bị đơn ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T:***

Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đối với ông Ừng Thín S, bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi vụ án được thụ lý

đến nay, ông S, bà T không tham gia các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử. Do đó, không có ý kiến của ông S và bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ đầy đủ khách quan, thời hạn tố tụng được đảm bảo, phiên tòa được thực hiện dân chủ, bình đẳng. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ luật tố tụng quy định.

Về nội dung vụ án: Tài liệu chứng cứ thể hiện việc vay nợ là có thật thể hiện qua hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2008, tuy nhiên chỉ có một mình ông S ký nhưng thời điểm vay nợ thì hôn nhân giữa ông S và bà T vẫn tồn tại và nhằm xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014 thì bà T cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ và lãi suất theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T đã được Tòa án đã triệu tập, tiến hành thủ tục niêm yết nhưng ông S và bà T vẫn vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S và bà T theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông  Huang Yang-H khởi kiện yêu cầu ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T yêu cầu thanh toán nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về nội dung: Ngày 13/12/2008, ông Huang Yang-H và ông Ừng Thín S ký kết hợp đồng vay tiền với số tiền 1.000.000.000đ để làm ăn, thời hạn vay: 05 năm. Các bên có thỏa thuận trong thời gian vay, ông Huang Yang-H có quyền yêu cầu ông S phải trả cho ông Huang Yang-H khoản tiền vay trên vào bất kỳ lúc nào

ông Huang Yang-H có yêu cầu, nhưng phải báo trước 60 ngày. Vì cần tiền để giải quyết công việc nên ngày 29/4/2013, ông Huang Yang-H có làm thông báo trả tiền vay đến ông Ừng Thín S là trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này, ông S phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Huang Yang-H toàn bộ số tiền 1.000.000.000đ. Nhưng ông S không trả. Do ông Ừng Thín S đã vi phạm thỏa thuận nên ông Huang Yang-H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T cùng liên đới trách nhiệm phải trả ngay cho ông Huang Yang-H toàn bộ số tiền vay là 1.000.000.000đ, đồng thời phải trả lãi số tiền chậm trả từ ngày 02/7/2013 tạm tính đến ngày 02/4/2016 với mức lãi suất 1,13%/tháng. Tổng cộng, ông S, bà T phải trả cho ông Huang Yang-H số tiền 1.372.900.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Huang Yang-H: Việc vay tiền giữa ông H và ông S là có thật được thể hiện qua Hợp đồng vay tiền ngày 13/12/2008 (BL 34-35) và biên bản xác nhận việc nhận tiền ngày 13/12/2008 (BL 33) thể hiện ông Ừng Thín S có vay và đã nhận đủ số tiền này. Trong Hợp đồng vay tiền này thể hiện rõ là thời hạn vay tiền là 05 năm và có quyền yêu cầu trả lại tiền một phần hoặc toàn bộ nhưng phải báo trước 60 ngày. Và phía ông Huang Yang-H đã thực đúng hiện đúng như Hợp đồng vay tiền. Tuy nhiên phía ông S không thanh toán số nợ này, nên ông H yêu cầu ông S và vợ ông S là bà Phạm Thị T cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ này. Tuy Hợp đồng giấy vay tiền ngày 13/12/2008 chỉ một mình ông S vay và giấy nhận tiền ngày 13/12/2008 cũng một mình ông S ký nhận, nhưng tại biên bản lấy lời khai 10/6/2014 (bút lục số 22 trước khi Tòa án có quyết định tách vụ án) ông S xác định vay số tiền 1.000.000.000đ của ông H để thanh toán nợ tiền xây dựng chuồng trại chăn nuôi, thời điểm này hôn nhân của ông S và bà T vẫn tồn tại xây dựng mục đích kinh doanh của chung vợ chồng nên việc ông H yêu cầu ông S và bà T cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ là có căn cứ và phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ 02/7/2013 đến ngày 02/4/2016 là 33 tháng x (9%/năm x 150%) = 1.000.000.000đ x 33 tháng x 1,13% (1,125%) = 372.900.000đ (371.250.000đ).

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ 02/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 25/5/2018 là 58 tháng 23 ngày x (9%/năm x 150%) = 1.000.000.000đ x (9%/năm x 150%) x 58 tháng 23 ngày = 661.125.000đ.

Nên Hội đồng xét xử buộc ông S bà T cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 1.661.125.000đ. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T đã thuận tình ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 56/2015-QĐST-HNGD ngày 17/3/2015 nên buộc ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-Hui số tiền cụ thể như sau:

Ông Ừng Thín S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 830.562.500đ (trong đó nợ gốc 500.000.000đ, nợ lãi 330.562.500đ)

Bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 830.562.500đ (trong đó nợ gốc 500.000.000đ, nợ lãi 330.562.500đ)

[4] Về án phí:

Ông S và bà T phải chịu 61.833.750đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Ông S phải chịu 30.916.875đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu 30.916.875đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huang Yang-H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, Điều 473, Điều 474 và khoản 3 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huang Yang-H.

Buộc ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 1.661.125.000đ. Cụ thể:

Ông Ừng Thín S phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 830.562.500đ (trong đó nợ gốc 500.000.000đ, nợ lãi 330.562.500đ).

Bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Huang Yang-H tổng số tiền 830.562.500đ (trong đó nợ gốc 500.000.000đ, nợ lãi 330.562.500đ).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T phải chịu 61.833.750đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Ông S phải chịu 30.916.875đ án phí dân sự sơ thẩm, bà T phải chịu 30.916.875đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Huang Yang-H 14.745.284đ tại biên lai thu số 004573 ngày 09/5/2014 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Ừng Thín S và bà Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**:
-VKSND tỉnh Đồng Nai (1)
-Cục THADS Tỉnh (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

-Đương sự (3)
-Lưu (5)

**Phạm Thị Xuân Đào**